CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***239 225***	***116 076***	***123 149***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**84 141**	**14 514**	**69 627**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***14 800***	***14 514***	***286***			
1		THAN MIỀN NAM	10/07	1075/07	25/07	VINACOMIN CẨM PHẢ	CẨM 5A.1	5 700	5 480	220	11/07		
							CỤC 4A.2	2 700	2 692	8	11/07		
2		ĐẠM NINH BÌNH	09/07	1072/07	24/07	NB 8927	CẨM 4A.1	2 900	2 883	17	11/07	MỚN:2.882,64	
3		ĐẠM HÀ BẮC	12/07	1079/07	27/07	TĐ 19-3	CẨM 4A.1	2 300	2 265	35	12/07	MỚM:2.265,28	
4		CP TTC	12/07	1078/07	27/07	HN 2089	CỤC 4A.1	1 200	1 194	6	12/07	TD	
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***69 341***		***69 341***			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cám 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cám 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỐ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỐ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HJAN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỐ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000			
16		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỐ 1C	1 020		1 020			
17		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỐ 1C	1 550		1 550		TD	
18		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
19		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
20		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỐ1C	1 100		1 100		TD	
21		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM1	1 530		1 530		TD	
22		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
23		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	
24		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
26		ĐẠM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CÁM 4A.1	4 000		4 000			
27		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CÁN 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
28		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
29		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CÁM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
30		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	8 700		8 700			
31		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
32		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
33		THAN SÔNG HỒNG	04/07	1058/07		BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
34		ĐT TMDV VINACOMIN	08/07	1071/07	23/07	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
35		THAN SÔNG HỒNG	11/07	1077/07	26/07	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
36		ĐẠM HÀ BẮC	13/07	1080/07	28/07	TĐ 68-TT	CÁM 4A.1	2 270		2 270			
	Tàu chuyển tải							**43 800**	**33 932**	**9 868**			
	Tàu đang làm hàng							***43 800***	***33 932***	***9 868***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 5A.10	20 500	10 807	9 693	DỞ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
2		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	CÁM 5A.10	23 300	23 125	175	14/07		KVDB:5.273,6 - CLM:17.851,48
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)												
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**48 580**	**28 206**	**20 374**			
	Tàu đã làm hàng							***31 023***	***28 206***	***2 817***			
1		COALIMEX	10/7	347	24/7	NB - 6488	CÁM 8A	1 000	979	21	11/7	TD	
2		HẢI PHÒNG	09/7	305	23/7	BN - 1348	CÁM 8A	990	985	5	11/7	TD	
3		CP ĐTTM&DV	09/7	290	24/7	BN - 0719	CỤC 1B	1 100	1 080	20	11/7	TD	
4		THANH HOÁ	07/7	250	22/7	BN - 2519	CỤC 1A	1 000	996	4	11/7	TD	
5		MIỀN BẮC	11/7	382	25/7	BN - 1988	CÁM 7B	1 410	1 388	22	11/7	PT CB	
6		HẢI PHÒNG	11/7	386	25/7	HD - 7989	CÁM 7B	1 850	1 821	29	11/7	PT CB	
7		HẢI PHÒNG	11/7	398	25/7	BN - 2203	CÁM 7A	1 560	1 543	17	12/07	PT CB	
8		HÀ NAM NINH	12/7	399	25/7	BN - 1809	CÁM 8A	1 000	993	7	12/07	TD	
9		ĐIỆN PHÁ LẠI	10/7	348	24/7	QN - 4320	CÁM 5B.14	1 716	1 660	56	12/07		
10		ĐIỆN PHÁ LẠI	09/7	308	23/7	QN - 4114	CÁM 5B.14	1 720	1 675	45	12/07		
11		HẢI PHÒNG	13/7	448	26/7	BN - 1858	CÁM 8A	1 010	1 001	9	12/07	TD	
12		MIỀN BẮC	13/7	449	26/7	BN - 1589	CÁM 7B	1 620	1 614	6	12/07	PT CB	
13		SX TM THAN UÔNG BÍ	12/7	417	25/7	BN - 2395	CÁM 8A	1 550	1 528	22	12/07	TD	
14		CP VT&KD THAN	10/7	346	24/7	BN - 1468	CỤC 1B	1 050	1 038	12	12/07	TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
15		MIỀN BẮC	09/7	297	24/7	BN - 1959	CÁM 5B.1	1 270	1 253	17	12/07	PT CB	
16		COALIMEX	13/7	421	26/7	NB - 6255	CÁM 8A	1 000	997	3	13/7	TD	
17		CP VT&KD THAN	13/7	447	26/7	BN - 2196	CÁM 8A	1 300	1 294	6	13/7	TD	
18		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	13/7	444	26/7	BN - 1818	CÁM 8A	1 982	1 864	118	13/7	TD	
19		SÔNG HỒNG	13/7	452	26/7	BN - 2397	CÁM 8A	1 000	991	9	13/7	TD	
20		CP DVVT QUẢNG NINH	13/7	477	26/7	NB - 8881	CÁM 8A	1 000	995	5	13/7	TD	
21		HẢI PHÒNG	13/7	418	26/7	HD 3833	CÁM 7A	2 310	1 118	1 192	DỞ	PT CB	
22		MIỀN BẮC	13/7	450	26/7	BN - 2728	CÁM 7B	2 585	1 391	1 194	DỞ	PT CB	
	Tàu đã làm lệnh							***17 557***		***17 557***			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CẦU ĐUỐNG	06/7	215	21/7	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
8		CP VT&KD THAN	07/7	248	22/7	BN - 0808	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	
9		CẦU ĐUỐNG	07/7	249	22/7	BN - 2006	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
10		XD CN MỎ	07/7	251	22/7	BN - 2128	CỤC 1B	1 280		1 280		TD	
11		CP ĐTTM&DV	10/7	336	24/7	BN - 1666	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
12		CP ĐTTM&DV	10/7	351	24/7	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
13		CP HÀNG HẢI VN	12/7	391	25/7	BN - 1626	CỤC 1B	917		917		TD	
14		HẢI PHÒNG	13/7	443	26/7	BN - 1856	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		ĐIỆN PHẢ LẠI	13/7	480	31/7	QN - 4140	CÁM 5B.14	1 820		1 820			
16		CROMIT THANH HOÁ	13/7	478	31/7	BN - 1928	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**42 704**	**29 135**	**13 569**			
	Tàu đã làm hàng							***31 564***	***29 135***	***2 429***			
1		XNK THAN - VINACOMIN	10/7	357	24/7	QN 8598	Cám 5a.1	5 320	5 295	25	11/7	CBPT	
2		CP SX & TM THAN UÔNG BÍ	10/7	350	24/7	BN 1758	Cục 1b	1 000	994	6	11/7	TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 14 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		KDT MIỀN BẮC	11/7	380	25/7	HIỀN ANH 688	Cám 5b.1	4 050	4 043	7	11/7	CBPT	
4		KDT MIỀN BẮC	11/7	379	25/7	NB 6039	Cám 6a.1	1 729	842	887	11/7	CBPT	
5		VTT VINACOMIN	08/7	255	22/7	BN 0988	Don 8a	1 030	795	235	11/7	TD	
6		THAN MIỀN NAM	10/7	352	25/7	TRƯỜNG XUÂN 68	Cục 4a.2	1 400	1 394	6	12/7		
7							Cám 5a.1	1 750	1 743	7	12/7		
8		ĐT TM DV VINACOMIN	10/7	332		BN 2269	Cục 1b	1 096	1 092	4	12/7	TD	
9		CROMIT CĐ THANH HÓA	11/7	414	26/7	QUANG TRUNG 79	Cám 5b.1	2 200	2 194	6	12/7	CBPT	
10		KDT NINH BÌNH	12/7	442	26/7	HD 8966	Cám 5b.1	1 938	1 121	817	12/7	CBPT	
11		THAN MIỀN NAM	11/7	387	25/7	TRUNG HIẾU 68	Cục 4a.2	1 400	1 394	6	13/7		
12							Cám 5a.1	1 750	1 743	7	13/7		
13		KDT MIỀN BẮC	12/7	451	26/7	HƯNG AN 369	Cám 5b.1	3 400	3 393	7	13/7	CBPT	
14		KDT HÀ NAM NINH	12/7	390	26/7	BN 2699	Cám 5a.1	1 963	1 959	4	13/7	CBPT	
15		DV VT QUẢNG NINH	12/7	407	26/7	BN 2158	Bùn 3c	1 538	1 133	405	DỞ	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***11 140***		***11 140***			
1		VỆT THUẬN OCEAN (ĐIỆN VĨNH TÂN I)	11/7	48		HD 3965	Cám 6a.1	5 500		5 500			
2		KHO VẬN ĐÁ BẠC	12/7	454	26/7	CỬA ÔNG 05	Cám 5a.1	2 100		2 100		CBPT	
3		KDT MIỀN BẮC	13/7	476	31/7	NB 6493	Cám 6b.1	1 850		1 850		CBPT	
4		KDT MIỀN BẮC	13/7	483	31/7	HP 5982	Cám 6b.1	1 690		1 690		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**20 000**	**10 289**	**9 711**			
	Tàu đã làm hàng							***10 000***	***10 289***	***- 289***			
1		ÚC	30/06	CLM		MV BELGRANO		10 000	10 289	- 289	10/7		
	Tàu đã làm lệnh							***10 000***		***10 000***			
1		ÚC		CLM		MV MAGIC ARIEL		10 000		10 000			